

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH TƯỜNG
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/DS - ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2023
“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài
sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông

2. Ông Nguyễn Ngọc Triển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Đặng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Xuân B, sinh năm 1995 và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997; Cùng địa chỉ: Thôn G 2, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh B, chị T:

- Anh Đỗ Gia T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 84 N, phường Hội Hợp, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Chị Lê Thu T, sinh năm 1995; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: Số 89 T, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân V, sinh năm 1985 và chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1986; Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (anh V có mặt, chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - anh Đỗ Gia T trình bày:

Khoảng năm 2020, trong quá trình làm ăn, kinh doanh anh B, chị T có quen biết vợ chồng anh Nguyễn Xuân V, chị Lê Thị Thanh H. Do tin tưởng nên anh B, chị T đã cho vợ chồng anh V, chị H vay tiền nhiều lần từ năm 2020 đến nay. Ngày 15/6/2022, hai bên chốt công nợ, vợ chồng anh V chị H đã viết giấy nhận nợ ký và xác nhận còn nợ vợ chồng anh B, chị T số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng), mục đích vay là mua đất, hẹn thanh toán làm 02 lần: Lần 01 trả trước 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) trả trước 16 giờ 00 phút ngày 14/7/2022; Lần hai ngày 22/7/2022 trả nốt số tiền còn lại là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Tuy nhiên, đến thời hạn trả nợ, vợ chồng anh V, chị H không thực hiện nghĩa vụ. Sau đó vợ chồng anh B, chị T lại tiếp tục cho anh Nguyễn Xuân V, chị Lê Thị Thanh H vay tiền đến nay tổng số tiền đã cho vay là 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng). Ngày 15/10/2022, anh Nguyễn Xuân V đại diện viết giấy nhận nợ tổng số tiền là 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 22/10/2022 sẽ trả toàn B số tiền trên cho anh B, chị T, về lãi suất không thỏa thuận. Trong giấy hẹn nợ ngày 15/10/2022 chỉ có chữ ký của anh V là do anh V nói anh đại diện ký là được hơn nữa là chỗ quen biết lâu năm nên anh B, chị T tin tưởng không yêu cầu chị H ký.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bố đẻ của anh V, chị H là ông Nguyễn Văn Điều đã trả cho anh B, chị T số tiền 200.000.000đồng.

Tính đến ngày 08/9/2023, anh V, chị H còn nợ của vợ chồng anh B, chị T tổng số tiền 2.800.000.000đ (Hai tỷ tám trăm triệu đồng).

Nay anh B, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh V, chị H trả toàn B số tiền còn nợ là 2.800.000.000đ (Hai tỷ tám trăm triệu đồng). Anh B, chị T rút yêu cầu giải quyết về khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 15/10/2022 đến khi vụ án được đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn - anh Nguyễn Xuân V trình bày: Anh thừa nhận từ năm 2020, anh có vay tiền của vợ chồng B T nhiều lần mục đích là kinh doanh máy xúc, máy công trình kiếm tiền để phục vụ đời sống, sinh hoạt cho gia đình. Ngày 15/6/2022, hai bên chốt công nợ, vợ chồng anh đã viết giấy nhận nợ, xác nhận còn nợ vợ chồng B T số tiền 2.500.000.000đ (Hai tỷ năm trăm triệu đồng). Do không trả được khoản nợ 2.500.000.000đ nên đến ngày 15/10/2022, anh tiếp tục viết giấy nhận nợ xác nhận nợ vợ chồng B T tổng số tiền là 3.200.000.000 đồng (Ba tỷ hai trăm triệu đồng) (giấy này chuyển hóa từ giấy nhận nợ ngày 15/6/2022, số tiền 3.200.000.000 đồng bao gồm cả tiền gốc còn nợ lần trước 2.500.000.000đ và tiền lãi) và hẹn đến

ngày 22/10/2022 sẽ trả toàn B số tiền trên cho anh B, chị T. Tuy nhiên, do làm ăn khó khăn nên anh không trả được nợ cho anh B, chị T. Quá trình vay nợ tiền, đã nhiều lần anh trả tiền cho vợ chồng B T, khi trả tiền anh không giữ giấy tờ gì nên không chứng minh được. Ngày 18/01/2023, anh có gửi 200.000.000đồng về nhờ bố anh là ông Nguyễn Văn Điều trả giúp cho anh B, chị T.

Đến nay, anh thừa nhận còn nợ của vợ chồng anh B, chị T tổng số tiền là 2.800.000.000đồng. Nay anh B, chị T khởi kiện yêu cầu anh trả toàn B số tiền 2.800.000.000đồng anh hoàn toàn nhất trí. Nhưng anh đề nghị anh B, chị T cho anh trả nợ dần.

Tại phiên tòa, anh B, chị T rút yêu cầu về việc khoản tiền lãi chậm trả theo lãi suất ngân hàng tính từ ngày 15/10/2022 đến khi vụ án được đưa ra xét xử, anh nhất trí.

Bị đơn - chị Lê Thị Thanh H vắng mặt nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 27/4/2023, chị H trình bày: Khoảng năm 2020 - 2021, chị và anh V có vay của vợ chồng anh B, chị T số tiền 200.000.000 đồng (hiện số tiền này vợ chồng chị đã trả vợ chồng anh B, chị T). Ngoài ra chị có biết anh V vay của vợ chồng anh B, chị T số tiền khoảng 1.677.000.000 đồng. Mục đích anh V vay là để mua máy xúc, máy công trình phục vụ kinh doanh để kiếm tiền sinh hoạt cho gia đình chị. Khi vay giữa hai bên có thỏa thuận là khi nào anh B, chị T đòi tiền thì anh V sẽ có trách nhiệm thu xếp trả nợ ngay. Tuy nhiên, do việc làm ăn kinh tế gặp nhiều khó khăn nên mặc dù anh B, chị T đã đến đòi nợ anh V nhiều lần nhưng anh V chưa trả. Đến khoảng tháng 6/2022 thì giữa vợ chồng anh B, chị T và vợ chồng chị có thống nhất ký xác nhận lại khoản tiền vay, theo giấy nhận nợ tổng số tiền vay là 2.500.000.000 đồng. Chị khẳng định chữ ký và chữ viết họ và tên tại giấy nhận nợ là chữ ký, chữ viết của chị và anh V. Tuy nhiên, số tiền 2.500.000.000 đồng là gồm 1.877.000.000 đồng tiền gốc (gồm 200.000.000 đ tiền chị vay cùng anh V và đã trả) và tiền lãi.

Sau đó, do anh V vẫn chưa trả được nợ cho anh B, chị T thì giữa anh V và anh B, chị T có thống nhất lại bằng giấy hẹn nợ vào ngày 15/10/2022, số tiền vay là 3.200.000.000đồng. Chị khẳng định, giấy hẹn nợ ngày 15/10/2022 là giấy nhận nợ chuyên hóa của giấy nhận nợ trước đó. Thực chất số tiền gốc anh V chỉ còn nợ anh B, chị T là 1.677.000.000đồng và là tiền một mình anh V vay để làm ăn kinh tế, mua máy xúc làm công trình cho gia đình chị. Đối với số tiền vượt quá 1.677.000.000đồng là anh B, chị T tính lãi của số tiền chưa trả của tiền gốc 1.677.000.000 đồng nhưng chị không có tài liệu, giấy tờ gì chứng minh. Vì khi vay, vợ chồng chị không được cầm bất cứ giấy tờ gì. Chị khẳng định hiện anh V chỉ nợ anh B, chị T số tiền gốc là 1.677.000.000 đồng.

Nay anh B, chị T yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền 3.200.000.000 đồng thì quan điểm của chị là anh V chỉ phải số tiền 1.677.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền vượt quá số tiền anh V vay thì chị không đồng ý.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi xét xử thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của B luật tố tụng dân sự, việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, quá trình thu thập chứng cứ tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành thời hạn xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa, việc khai mạc phiên tòa, thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của B luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quy định của pháp luật. Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 166, 280, 357 và khoản 2 Điều 468 của B luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng anh V, chị H phải trả cho vợ chồng anh B, chị T số tiền 2.800.000.000 đồng, đồng thời còn phải trả lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của B luật Dân sự, sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Hoàng Xuân B, chị Nguyễn Thị T khởi kiện anh Nguyễn Xuân V, chị Lê Thị Thanh H yêu cầu trả tiền đã cho vay nên đây là quan hệ pháp luật về “tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Anh V, chị H có hộ khẩu thường trú tại thị trấn V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của B luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Bị đơn - chị Lê Thị Thanh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 B luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - anh Hoàng Xuân B, chị Nguyễn Thị T thấy rằng: Anh B, chị T có cho vợ chồng anh V, chị H vay tiền và đến nay anh V, chị H còn nợ số tiền 2.800.000.000đồng. Bản thân anh V cũng thừa nhận có vay tiền và đến nay còn nợ vợ chồng anh B, chị T số tiền là 2.800.000.000đồng chưa trả được.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị Thanh H cho rằng số tiền anh V vay của vợ chồng anh B, chị T là tiền một mình anh V vay để làm ăn kinh tế, nên anh V có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng anh B, chị T. Tuy nhiên, anh V và chị H đều thừa nhận anh V vay tiền của vợ chồng anh B, chị T mục đích là để làm ăn kinh tế, mua máy xúc làm công trình kiếm tiền phục vụ đời sống, sinh hoạt cho gia đình. Bản thân chị T cũng thừa nhận tại giấy nhận nợ ngày 15/6/2022, cả hai vợ chồng anh chị đều ký xác nhận nợ vợ chồng anh B, chị T số tiền 2.500.000.000đ và giấy hẹn nợ ngày 15/10/2022, mà anh V ký xác nhận nợ số tiền 3.200.000.000đồng là giấy nhận nợ chuyển hóa của giấy nhận nợ ngày 15/6/2022. Do đó, cần xác định đây là nợ chung của vợ chồng anh V, chị H.

Tại khoản 1 Điều 280 của B luật dân sự quy định: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.”. Như vậy, anh V, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, anh B, chị T khởi kiện yêu cầu anh V, chị H phải trả số tiền trên là có căn cứ phù hợp với Điều 166 của B luật dân sự nên được chấp nhận, buộc vợ chồng anh V, chị H phải có nghĩa vụ trả toàn B khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của anh B, chị T.

[3] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, anh B, chị T không yêu cầu giải quyết về khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 15/10/2022 đến khi vụ án được đưa vụ án ra xét xử nên đình chỉ giải quyết về yêu cầu tính khoản tiền lãi chậm trả kể từ ngày 15/10/2022 đến khi vụ án được đưa vụ án ra xét xử.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh B, chị T được chấp nhận nên anh B, chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh V, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 166, 280 và khoản 2 Điều 468 của B luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Xuân B, chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Xuân V, chị Lê Thị Thanh H. Buộc vợ chồng anh Nguyễn

Xuân V, chị Lê Thị Thanh H phải trả cho anh Hoàng Xuân B, chị Nguyễn Thị T số tiền 2.800.000.000đồng (Hai tỷ tám trăm triệu đồng chẵn)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp, anh Hoàng Xuân B, chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị thi hành án nếu anh Nguyễn Xuân V, chị Lê Thị Thanh H không thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền trậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 B luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu về khoản tiền lãi chậm trả từ ngày 15/10/2022 đến khi vụ án được đưa vụ án ra xét xử.

2. Về án phí: Anh Hoàng Xuân B, chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Hoàng Xuân B, chị Nguyễn Thị T số tiền 48.000.000đ (Bốn tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005838 ngày 04/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

Anh Nguyễn Xuân V, chị Lê Thị Thanh H phải chịu 88.000.000đ (Tám mươi tám triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhân:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang